UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ HƯNG MỸ **Mẫu biểu số 47**
Chương 864

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Ban Chỉ huy Quân sự xã Hưng Mỹ
Mã số: 1142743 - Nguồn 12
Mã KBNN nơi giao dịch: 0963

(Kèm theo Quyết định số: 2617 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Hưng Mỹ)

Loại - khoản: 010 - 011 *Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	**Số thu phí, lệ phí**	
1.1	**Lệ phí**	
1.2	**Phí**	
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
2.1	**Chi sự nghiệp...**	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2.2	**Chi quản lý hành chính**	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
3.1	**Lệ phí**	
3.2	**Phí**	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**148.000.000**
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	
	- Nhiệm vụ khoa học học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ(nguồn 12)	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số gia đình**	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	**Chi đảm bảo xã hội**	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	

5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	**Chi các hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ(nguồn 12)	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình**	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	**Chi sự nghiệp thể dục, thể thao**	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
11	**Chi Quốc phòng**	**148.000.000**
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	**148.000.000**
11.2.1	*Bổ sung dự toán để thực hiện một số nhiệm vụ chi còn thiếu trong dự toán giao đầu năm 2026 theo (Thông báo 609/TB-STC ngày 22/8/2026 của Sở Tài chính tỉnh Cà Mau)*	
-	*Chênh lệch phụ cấp hằng tháng của ấp đội trưởng (Nghị Quyết 31/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh)*	22.560.000
-	*Chệnh lệch ngày công lao động của Dân quân (Nghị Quyết 31/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh)*	106.434.000
-	*Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với LLDQTT năm 2025 (BHXH lực lượng DQTT)*	19.006.000